

**Phụ lục VIII**  
**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LỘ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **49** /2019/QĐ-UBND  
ngày **20** tháng **12** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**

**1. Đất ở thị trấn Cam Lộ:**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>*

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	3.264	1.142	849	653
1b	2.938	1.028	764	588
1c	2.611	914	679	522
1d	2.285	800	594	457
2a	1.958	685	509	392
2b	1.632	571	424	326
2c	1.306	457	339	261
2d	979	343	255	196
3a	816	286	212	163
3b	653	228	170	131
3c	490	171	127	98
3d	326	114	85	65

**2. Đơn giá đất ở tại nông thôn:**

**2.1. Đất ở xã đồng bằng:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	900.000	600.000	360.000	180.000	80.000
2	540.000	360.000	216.000	108.000	60.000
3	315.000	210.000	126.000	63.000	50.500
4	225.000	150.000	90.000	45.000	35.500

**2.2. Đất ở xã trung du:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
1	280.000	130.000	105.000	96.000
2	182.000	84.500	68.250	60.250
3	140.000	65.000	52.500	48.500
4	106.400	49.400	39.900	33.000

**2.3. Đất ở xã miền núi:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	600.000	300.000	200.000	100.000	70.000
2	360.000	180.000	100.000	70.000	50.000

3	210.000	105.000	70.000	52.000	40.000
4	150.000	75.000	50.000	38.000	30.000

**2.4. Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	1.800.000	1.200.000	720.000	420.000	250.000
2	630.000	420.000	300.000	210.000	150.000
3	220.000	150.000	120.000	105.000	90.000
4	90.000	80.000	70.000	60.000	50.000

**2.5. Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 1A:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	6.000.000	3.500.000	2.200.000
2	2.100.000	1.225.000	770.000
3	1.560.000	910.000	300.000
4	1.200.000	700.000	105.000

**II. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LỘ**

**1. Phân loại đường phố thị trấn Cam Lộ: Áp dụng bảng 1. ở phần I**

Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Đường 02/4	Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến Km 14+50 Quốc lộ 9 (giáp địa giới xã Cam Thành).	1a
Đường 02/4	Đoạn từ cầu Tân Trúc đến cầu Nghĩa Hy.	1b
Nguyễn Huệ	Đoạn từ km 12+470 Quốc lộ 9 (đôn Công an thị trấn) đến giáp đường Cần Vương	1c
Nguyễn Hữu Thọ	Đoạn từ Km 13+300 Quốc lộ 9 vào khu Chính phủ Cách mạng lâm thời đến giáp đường nội thị khu phố Tây Hòa-An Hưng - Giao tuyến dọc kè sông Hiếu (hết đoạn đường bê tông nhựa)	1c
Trần Hưng Đạo	Đoạn từ km 13+410 Quốc lộ 9 (Công an huyện) đến giáp phía Nam mô cầu Cam Tuyên (bao gồm đoạn đường Nguyễn Tri Phương).	1c
Tôn Thất Thuyết	Đoạn nối đường Hàm Nghi qua nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng khu phố 2 đến điểm giao nhau với đường Khóa Bào	1c
Huỳnh Thúc Kháng	Đoạn từ Km 12+150 Quốc lộ 9 đến giáp Cần Vương	1c
Phan Bội Châu	Đoạn từ Km 13+700 Quốc lộ 9 (nhà bà Ngân) đến giáp đường Cần Vương	1d
Hàm Nghi	Đoạn từ ngã tư Trung tâm Y tế (nhà bà Nhân) đi qua sân vận động - Nhà thi đấu thể thao - đến giáp đường Phan Bội Châu	1d
Lê Thế Tiết	Đoạn nối đường Hàm Nghi qua nhà Văn hóa sinh	1d



Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
	hoạt cộng đồng khu phố 2 đến điểm giao nhau với đường Khóa Bảo.	
Lê Thế Tiết	Đoạn từ nhà ông Thảo khu phố 2 đến giáp đường Cần Vương (nhà ông Ngoạn)	2a
Khóa Bảo	Đoạn từ Km 13+960 Quốc lộ 9 (tịnh xá Ngọc Lộ) đến giáp đường Cần Vương	1d
Khóa Bảo	Đoạn từ đường Cần Vương (nhà bà Phần - khu phố An Hưng) đến giáp đường liên thôn Phước Tuyên- An Hưng.	2a
Hai Bà Trưng	Đoạn từ Km 13+410 (Bưu điện Cam Lộ) chạy theo hướng Tây Nam ra đến Quốc lộ 9 Km 13+790 (cây xăng - Công ty xăng dầu Quảng Trị)	1d
Đoạn đường Cần vương nối Trần Phú	đoạn từ phía Nam cầu Đuôi đến ngã ba đường 02/4 (nhà bà Trâm, khu phố 4 - Thị trấn)	2a
Cần Vương	Đoạn từ ngã tư đường vào Khu Chính phủ CMLT đến ngã tư đường Nội thị (nhà ông Phúc - Giáp địa giới xã Cam Thành).	2a
Cần Vương	Đoạn từ ngã ba chợ Phiên (nhà ông Nguyễn) đến ngã tư Nguyễn Hữu Thọ (khu Chính phủ Cách mạng lâm thời).	2a
Đường bao quanh hồ sinh thái khu phố 2		2a
Nguyễn Hoàng	Đoạn từ Km 12+700 Quốc lộ 9 (Trường PTTH Cam Lộ) đến giáp đường Cần Vương	2a
Lý Thường Kiệt	Đoạn từ Km 12+350 Quốc lộ 9 đi qua Trạm xá thị trấn đến đường nhánh Hồ Chí Minh (nhà ông Côi)	2b
Dương Văn An	Đoạn từ Km 12+980 Quốc lộ 9 (nhà ông Quốc - Mỹ) đến giáp đường Cần Vương	2b
Đường nội thị	Đường hai bên chợ Trung tâm thị trấn Cam Lộ đến Đường hai bên chợ Trung tâm thị trấn Cam Lộ	2b
Lê Quý Đôn	Đoạn đường từ Km 12+800 Quốc lộ 9 đến nhà ông Quang	2b
Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng (cũ)	Đoạn đường từ Quốc lộ 9 (nhà ông Dũng - khu phố 1) đến nhà bà Thúy.	2b
Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng (cũ)	Đoạn từ nhà ông Tiến đi qua sau hội trường khu phố 1 đến giáp đường Chế Lan Viên	2b
Tuyến đường nội thị	Vùng sụt lún có mặt cắt nền đường từ 13m trở lên đến 16m đến Vùng sụt lún có mặt cắt nền đường từ 13m trở lên đến 16m	2b
Lê Lợi	Đoạn từ Km 12+470 Quốc lộ 9 đến giáp phía Bắc cầu số 1 Nam Hùng.	2c
Lê Lợi	Đoạn từ phía Nam cầu số 1 Nam Hùng đến hết đường Lê lợi, kéo dài giáp đường WB2 thôn Nam Hùng	3b



Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Chế Lan Viên	Đoạn đường từ Km 12+930 Quốc lộ 9 (Hạt Kiểm lâm) đến đường Hai Bà Trưng	2c
Các tuyến đường bê tông vùng sụt lún có mặt cắt nền đường từ 10-13m		2d
Đoạn đường Tỉnh lộ 15 (cũ): đoạn từ hàng rào phía Tây (hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (nhà ông Nguyễn - khu phố Đông Định)	Đoạn từ hàng rào phía Tây (hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (nhà ông Nguyễn - khu phố Đông Định)	2d
Lê Thế Hiếu	Từ nhà Bác sỹ Bảo đến nhà ông Tuất (giáp đường Nguyễn Huệ)	2d
Đường liên xã Cam Thành-Thị trấn Cam Lộ	Đoạn giáp đường Hai Bà Trưng đến giáp địa giới xã Cam Thành.	2d
Nguyễn Tri Phương	Đoạn từ nhà ông Hiền (Tây Hòa - thị trấn) đến giáp đường địa giới xã Cam Thành (nhà ông Nậu - An Hưng - thị trấn)	3b
Hai đoạn trên và dưới Chùa Cam Lộ: Đoạn giáp đường Cần Vương	Đoạn từ phía Tây Chùa Cam lộ đến giáp đường Ngô Quyền (đường cứu hộ cứu nạn thị trấn)	3b
Hai đoạn trên và dưới Chùa Cam Lộ: Đoạn giáp đường Cần Vương	Từ nhà ông Long đến giáp đường Ngô Quyền	3b
<b>Các đoạn đường còn lại có mặt cắt</b>		
1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau		
- Mặt cắt từ 20m trở lên:		2d
- Mặt cắt từ 13m đến dưới 20m:		3a
- Mặt cắt từ 8m đến dưới 13m:		3b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		3c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		3d
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 03 m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.		
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:		
- Mặt cắt từ 20m trở lên:		3a
- Mặt cắt từ 13m đến dưới 20m:		3b
- Mặt cắt từ 8m đến dưới 13m:		3c

Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		3d
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		3d
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 03 m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.		
3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.		

## 2. Khu vực đất ở nông thôn:

### 2.2. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 1A: Áp dụng bảng 2.5 ở phần I

#### - Khu vực 1:

+ Đoạn từ Bắc cầu Sông đến Nam kênh mương thủy lợi xã Cam Thanh (hết ranh giới phía Bắc Cty TNHH Tâm Thơ).

#### - Khu vực 2:

+ Quốc lộ 1: Đoạn từ bắc kênh mương thủy lợi xã Cam Thanh (hết ranh giới Cty TNHH Tâm Thơ) đến Cổng toát nước Quốc lộ 1A (trước xưởng của Nam Việt).

#### - Khu vực 3:

+ Quốc lộ 1: Đoạn từ Cổng toát nước Quốc lộ 1A (trước xưởng của Nam Việt) đến giáp địa phận xã Gio Quang, huyện Gio Linh.

### 2.3. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh: Áp dụng bảng 2.4 ở phần I

#### - Khu vực 1:

+ Quốc lộ 9 đi Cửa Việt: Đoạn từ giáp Quốc lộ 9 mới nối xã Cam Thủy và Cam Hiếu (điểm tường rào phía Tây HTX Thủy Đông) qua Ngã Tư Sông đến điểm giao đường liên xã Cam An đi qua cổng chào thôn Kim Châu.

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ Km14 (từ đoạn tiếp giáp địa giới xã Cam Thành với TT Cam Lộ) đến hết ranh giới phía tây trường THCS Khóa Bảo.

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ cổng Khe Mây (giáp phía Đông cây xăng Đức Phát) đến hết địa giới xã Cam Hiếu.

+ Đường nhánh Hồ Chí Minh: Đoạn từ (nhà ông Phúc - giáp địa giới TT Cam Lộ) đến giáp Quốc lộ 9 (ngã tư Cù).

#### - Khu vực 2:

+ Quốc lộ 9 đi Cửa Việt: Đoạn từ Bắc Cầu Đuôi đến giáp Quốc lộ 9 mới nối xã Cam Thủy và Cam Hiếu (điểm tường rào phía Tây HTX Thủy Đông); Đoạn từ điểm giao đường liên xã Cam An đi qua cổng chào thôn Kim Châu đến giáp đường Thanh Niên (nối qua TP Đông Hà).

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Mụ Hai đến cổng Khe Mây (giáp phía Đông cây xăng Đức Phát).



+ Quốc lộ 9D (đường tránh phía Nam TP Đông Hà): Đoạn từ ngã ba đường tránh (Thôn Vĩnh Đại, xã Cam Hiếu) đến giáp Cầu Hồ số 7 (Phía Bắc tường rào Cụm công nghiệp Cam Hiếu).

**- Khu vực 3:**

+ Quốc lộ 9D (đường tránh phía Nam TP Đông Hà): Đoạn từ Cầu Hồ số 7 (Phía Bắc tường rào Cụm công nghiệp Cam Hiếu) đến giáp địa phận phường 4, TP Đông Hà.

+ Quốc lộ 9 đi Cửa Việt: Đoạn từ giáp đường Thanh Niên (nối qua TP Đông Hà) đến giáp ranh giới xã Gio Quang.

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ hàng rào phía Tây trường Khóa Bảo đến đường vào K600.

**- Khu vực 4:**

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào K600 đến Cầu Đầu Mầu.

+ Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ ngã ba (An Mỹ - Tam Hiệp) đến giáp Phía Bắc hàng rào Nhà máy sản An Thái.

**- Khu vực 5:**

+ Quốc lộ 9: Đoạn từ Cầu Đầu Mầu đến giáp ranh giới huyện Đakrông.

+ Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ giáp Phía Bắc hàng rào Nhà máy sản An Thái đến giáp ranh giới huyện Gio Linh.

**2.3. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã đồng bằng: Áp dụng bảng 2.1 ở phần A**

**- Khu vực 1:**

+ Đoạn đường nối từ QL9 mới (đi Cửa Việt) qua thôn Phi Thừa, xã Cam An đến Bắc Cầu Trắng (giáp địa phận Phường Đông Giang, TP Đông Hà).

**- Khu vực 2:**

+ Đoạn đường liên xã Cam Thanh - Cam An (mới nâng cấp - mặt thảm nhựa): Từ thôn Phi Thừa đến điểm giao nhau với đường sắt, kể cả đoạn rẽ ra thôn Kim Châu 4.

+ Tuyến đường liên xã Cam Hiếu - Cam Thủy: Từ thôn Trương Xá (nối với đường Hoàng Diệu) đi qua thôn Trương Xá đến hết ranh giới (quy ước) phía Tây thôn Mộc Đức.

**- Khu vực 3:**

+ Đoạn đường gom quanh cầu vượt đường sắt xã Cam Thanh: Phía Bắc QL9: Từ nhà ông Trương đến nhà bà Táo; Phía Nam QL9: Từ kênh Cầu Quan đến nhà ông Khánh.

+ Các trục đường khu vực Ngã Tư Sòng (gần TP Đông Hà): Các trục đường thôn Phở Lại, xã Cam An đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường bê tông (Trừ khu dân cư nằm phía Tây kênh T5); Các trục đường khu vực xóm Phường, thôn An Bình, xã Cam Thanh đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường bê tông.

+ Tuyến đường liên xã Cam Hiếu - Cam Thủy: Từ điểm ranh giới (quy ước) phía Tây thôn Mộc Đức đi qua thôn Định Xá, Lâm Lang (xã Cam Thủy) đến giáp phía

Nam kênh mương hồ Đá Lã; Các trục đường bê tông hóa thuộc vùng tái định cư thôn Bích Giang, xã Cam Hiếu.

**- Khu vực 4:**

+ Các trục đường thôn Phở Lại, xã Cam An (thuộc khu dân cư nằm phía Tây kênh T5) đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường bê tông.

+ Các trục đường bê tông thuộc vùng tái định cư thôn Lâm Lang, xã Cam Thủy.

+ Các trục đường khu vực Ngã Tư Sòng (gần TP Đông Hà): Các trục đường thôn Phở Lại, xã Cam An đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường đất (Trừ khu dân cư nằm phía Tây kênh T5); Các trục đường khu vực xóm Phường, thôn An Bình, xã Cam Thành đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường đất.

**- Khu vực 5:**

+ Các vị trí còn lại trên địa bàn xã đồng bằng.

**2.4. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã trung du: Áp dụng bảng 2.2 ở phần I**

**- Khu vực 1:**

+ Đoạn đường đi vào khu phố Thiết Tràng: Từ km11 + 300- QL9 (nhà ông Nguyễn Thuận) đến giáp ngã tư (hội trường KP Thiết Tràng).

**- Khu vực 2:**

+ Tuyến đường liên khu phố, thôn: Khu phố Nam Hùng - Nghĩa Hy - Thiết Tràng, TT Cam Lộ và thôn Phan Xá, Cam Thành (thôn Phan Xá, Cam Thành thuộc xã miền núi nhưng cơ sở hạ tầng tương đương với khu phố Nam Hùng - Nghĩa Hy - Thiết Tràng, TT Cam Lộ).

**- Khu vực 3:**

+ Tuyến đường liên xã Cam Thanh - Cam An (mới nâng cấp- mặt thảm nhựa): Từ điểm giao với đường sắt đi qua cổng chào thôn Mỹ Hoà đến hết thôn Mỹ Hoà.

**- Khu vực 4:**

+ Các vị trí còn lại trên địa bàn xã trung du.

**2.5. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã miền núi: Áp dụng bảng 2.3 ở phần I**

**- Khu vực 1:**

+ Đoạn đường đi vào thôn Phan Xá: Từ km14 + 200- QL9 (nhà ông Hồ Công Trường) đến giáp cổng chào thôn Phan Xá, Cam Thành.

+ Tỉnh lộ 11: Đoạn từ ngã tư Cù (thôn Tân Trang, xã Cam Thành) đến Bắc cầu Cây Cui.

**- Khu vực 2:**

+ Đoạn thuộc đường liên thôn Phước Tuyên - Tân Định, xã Cam Thành từ điểm nhà ông Nậu (giáp địa giới TT Cam Lộ) đến điểm Nhà bà Châu (thôn Tân Định).

+ Đoạn đường từ Km 14+450 Quốc lộ 9 đi qua đường nhánh HCM đến giáp tuyến đường liên thôn Tân Định - Phước Tuyên.

+ Tỉnh lộ 11: Đoạn từ ngã ba đường lên đỉnh cao 241 đến cổng chào xã Cam Nghĩa.



**- Khu vực 3:**

- + Tỉnh lộ 11: Đoạn từ Nam cầu Cây Cui đến ngã ba đường lên đỉnh cao 241.
- + Tỉnh lộ 11: Đoạn từ công chào xã Cam Nghĩa đến ngã 3 tỉnh lộ 11 (trường tiểu học Lý Tự Trọng)
- + Đường An Mỹ - Bản Chùa: Đoạn từ giáp Quốc lộ 9 mới (công chào thôn An Mỹ) đi qua Ngã ba An Mỹ (nhà bà Chanh - Thịnh) đến Ngã ba An Thái (điểm tiếp giáp đường WB 2).
- + Đường An Mỹ - Bản Chùa: Đoạn Từ Ngã ba An Thái (điểm tiếp giáp đường WB 2) đi qua thôn An Thái, Xuân Mỹ, Tân Hiệp đến cuối thôn Đầu Bình 2.
- + Đoạn đường WB2: Từ ngã ba An Thái (điểm tiếp giáp đường An Mỹ - Bản Chùa) đi qua thôn Ba Thung, Đầu Bình 1, đến trường Tiểu học Kim Đồng, xã Cam Tuyền.
- + Đoạn đường: Từ Bắc cầu Cam Tuyền đến giáp đường WB2 lên UBND xã Cam Tuyền.
- + Đoạn đường đi vào thôn Phường Cội: Từ km 16 Quốc lộ 9 đi vào làng Phường Cội đến giáp nghĩa địa xã Cam Thành.
- + Đoạn đường đi vào Cty Thiên Tân: Nối từ Quốc lộ 9 vào đến ngầm Thiên Tân.
- + Đoạn đường liên thôn xã Cam Nghĩa: Nối từ tỉnh lộ 11 (nhà ông Quang) đi qua Cam Lộ Phường dọc theo đường nhựa đến giáp tỉnh lộ 11.
- + Đoạn đường liên xã: Từ ngã 3 tỉnh lộ 11 (trường tiểu học Lý Tự Trọng) đi lên đỉnh 241 ra Quốc lộ 9 (cầu Đầu Mầu).
- + Các đoạn đường còn lại đã được bê tông nhựa trên địa bàn xã miền núi (Trừ Tỉnh lộ 11).

**- Khu vực 4:**

- + Các trục đường ven thị trấn Cam Lộ bao gồm các thôn: Thôn Tân Định, Tân Trang và Ngô Đồng thuộc xã Cam Thành, áp dụng đối với các vị trí tiếp giáp tuyến đường giao thông có mặt đường bê tông.
- + Các đoạn đường còn lại đã được láng nhựa trên địa bàn xã miền núi (Trừ Tỉnh lộ 11).
- + Đường liên xã: Đoạn từ ranh giới phía Tây đất thổ cư Bà Châu đi qua thôn Tân Mỹ, thôn Quạt Xá ra Quốc lộ 9 (đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn phục vụ dân sinh).

**- Khu vực 5:**

- + Các vị trí còn lại các xã miền núi

**3. Đất nông nghiệp tại thị trấn và các xã đồng bằng, trung du, miền núi:****3.1. Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện:**

- + Vị trí 1: Đất trong khu dân cư, ven các trục đường Quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường



giao thông (theo đường vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung không quá 500m.

+ Vị trí 2: Các khu vực còn lại.

### **3.2. Đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện:**

+ Vị trí 1: Đất trong khu dân cư, ven các trục đường Quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 1500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung không quá 1500m.

+ Vị trí 2: Các khu vực còn lại.

**Phụ lục IX**  
**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU PHONG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /2019/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**

**1. Đất ở thị trấn Ái Tử:**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>*

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	4.000	1.400	1.040	800
1b	3.600	1.260	936	720
1c	3.200	1.120	832	640
1d	2.800	980	728	560
2a	2.480	868	645	496
2b	2.160	756	562	432
2c	1.840	644	478	368
2d	1.520	532	395	304
3a	1.300	455	338	260
3b	1.080	378	281	216
3c	860	301	224	172
3d	640	224	166	128
4a	580	203	151	116
4b	520	182	135	104
4c	460	161	120	92
4d	400	140	104	80

**2. Đơn giá đất ở tại nông thôn:**

**2.1. Đất ở xã đồng bằng:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6
1	1.600.000	1.000.000	800.000	480.000	280.000	160.000
2	960.000	600.000	480.000	288.000	168.000	96.000
3	560.000	350.000	280.000	168.000	98.000	56.000
4	400.000	250.000	200.000	120.000	70.000	40.000

**2.2. Đất ở xã trung du:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
1	500.000	350.000	170.000	100.000
2	325.000	227.500	110.500	65.000
3	250.000	175.000	85.000	50.000
4	175.000	122.500	59.500	35.000



### 2.3. Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 1A:

Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	3.000.000	2.500.000	1.500.000
2	1.050.000	875.000	525.000
3	780.000	650.000	390.000
4	600.000	500.000	300.000

## II. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU PHONG

### 1. Phân loại đường phố:

#### 1.1. Phân loại đường phố thị trấn Ái Tử: Áp dụng bảng 1.1 ở phần I

Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Lê Duẩn (Quốc lộ 1)	Đoạn từ ranh giới phía bắc giáp xã Triệu Ái đến ranh giới phía Nam giáp xã Triệu Thượng.	1a
Lê Hồng Phong	Đoạn từ Huyện Trần Công Chúa đến đường Trần Phú.	1c
Trần Phú	Đoạn từ Lê Duẩn đến cầu An Mô.	1d
Nguyễn Phúc Nguyên	Cả đường	2a
Trương Chinh	Cả đường	2a
Nguyễn Văn Linh	Cả đường	2a
Lê Lợi	Đầu đường đến Cuối đường	2b
Nguyễn Huệ	Lê Duẩn đến Nguyễn Hoàng	2b
Nguyễn Huệ	Nguyễn Hoàng đến Trần Hữu Dực	2c
Tuyến tránh QL1	Từ nút giao đường Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Quang Xá đến đường Lý Thường Kiệt	1d
Nguyễn Trãi	Đoạn từ Lê Duẩn đến cụm công nghiệp làng nghề thị trấn Ái Tử.	2c
Trần Hưng Đạo	Đoạn từ Lê Duẩn đến giao nhau với đường Lý Thái Tổ.	2c
Nguyễn Du	Đoạn từ Lê Duẩn đến Nguyễn Hoàng	2b
Nguyễn Du	Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến công Chùa Sắc Tứ.	2c
Đình Tiên Hoàng	Đoạn từ Lê Duẩn đến giao nhau với Nguyễn Hoàng	2b
Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Hoàng đến đường Lý Thái Tổ	2c
Hai Bà Trưng	Đầu đường đến Cuối đường (Lê Duẩn đến Lý Thái Tổ)	2b
Nguyễn Hoàng	QL1A đến Nguyễn Trãi	2b
Phan Chu Trinh	Cả đường	2c
Nguyễn Tri Phương	Cả đường	2a
Văn Cao	Cả đường	2a
Nguyễn Chí Thanh	Cả đường	2c

Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Tổ Hữu	Cả đường	2c
Trương Văn Hoàn	Cả đường	2d
Huyền Trân Công Chúa	Cả đường	3b
Đặng Dung	Cả đường	3b
Đoàn Khuê	Cả đường	3b
Phan Văn Dật	Cả đường	3b
Nguyễn Hữu Thiện	Cả đường	3b
Đặng Thí	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết ranh giới bệnh viện Triệu Phong	3b
Đặng Thí	Đoạn hết ranh giới bệnh viện Triệu Phong đến Lý Thái Tổ	3c
Đoàn Bá Thừa	Cả đường	3b
Đoàn Lân	Cả đường	3b
Văn Kiểm	Cả đường	3a
Hồng Chương	Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Hai Bà Trưng.	3b
Hồng Chương	Đoạn còn lại	3c
Đặng Dân	Cả đường	3b
Nguyễn Hữu Khiếu	Cả đường	3b
Trần Hữu Dực	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi.	3b
Trần Hữu Dực	Đoạn còn lại	3c
Trần Quỳnh	Cả đường	3b
Lê Hữu Trữ	Cả đường	3b
Lý Thường Kiệt	Cả đường	3c
Lê Thế Tiết	Cả đường	3c
Tôn Thất Thuyết	Cả đường	3c
Phan Bội Châu	Cả đường	3c
Trương Định	Cả đường	3c
Lê Quý Đôn	Cả đường	3c
Hoàng Diệu	Cả đường	3c
Võ Thị Sáu	Cả đường	3c
Nguyễn Thị Lý	Cả đường	3c
Lê Văn Kinh	Cả đường	3c
Nguyễn Quang Xá	Đoạn từ Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Linh	1d
Nguyễn Quang Xá	Đoạn còn lại	3b
Lý Thái Tổ	Cả đường	3c
Hoàng Thị Ái	Cả đường	3c
Trần Công Tiện	Cả đường	3c
Nguyễn Văn Giáo	Cả đường	3c
<b>Các đoạn đường còn lại có mặt cắt</b>		
1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau		
- Mặt cắt từ 20m trở lên:		3d
- Mặt cắt từ 13m đến 20m:		3e



Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
- Mặt cắt từ 8m đến 13m:		4a
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 03 m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.		
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:		
- Mặt cắt từ 20m trở lên:		3e
- Mặt cắt từ 13m đến 20m:		4a
- Mặt cắt từ 8m đến 13m:		4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		4d
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 03 m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.		
3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.		

## 2. Khu vực đất ở nông thôn:

**2.1. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 1A:** Áp dụng bảng 2.3 Mục I Phụ lục số 9

### - Khu vực 1:

+ Xã Triệu Giang: Khu vực dân cư thuộc đoạn Quốc lộ 1 đi qua xã Triệu Giang.

### - Khu vực 2

+ Xã Triệu Thượng: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường Quốc lộ 1 đi qua xã Triệu Thượng.

### - Khu vực 3

+ Xã Triệu Ái: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường Quốc lộ 1 đi qua xã Triệu Ái.

**2.2. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã đồng bằng:** Áp dụng bảng 2.1 Mục I Phụ lục số 9

### - Khu vực 1:

+ Xã Triệu Thượng: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường từ Quốc lộ 1 đến đường sắt thuộc địa bàn xã Triệu Thượng (cuối đường Nguyễn Trãi); Khu vực dân cư thuộc tuyến tránh Quốc Lộ 1 đi qua xã Triệu Thượng.

+ Xã Triệu Thành: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường QL49C từ cầu An Tiêm đến giáp thị xã Quảng Trị.

+ Xã Triệu Long: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Long; Đoạn đường ĐH 45B nối từ nút cầu An Mô đến đường QL49C.

+ Xã Triệu Thuận: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 46 từ giáp xã Triệu Đại đến giáp xã Triệu Độ; Đoạn đường ĐH 46C từ cầu Đại Lộ đến đường ĐH 46.

### - Khu vực 2:

+ Xã Triệu Thành: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường QL49C từ cầu An Tiêm đến giáp ngã ba đi Nại Cửu; Đoạn đường ĐH 47B từ thị xã Quảng Trị đi qua cầu Rì Rì



về khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn nối với đường QL49C; Đoạn đường ĐH 47C từ đường QL49C vào khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn.

+ Xã Triệu Lăng: Khu vực dân cư thuộc đường ĐH 43 từ Khu du lịch Bãi Tắm Nhật Tân đến Nghĩa trang liệt sỹ.

**- Khu vực 3:**

+ Xã Triệu Thượng: Khu vực dân cư thuộc tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến tượng đài các anh hùng liệt sỹ.

+ Xã Triệu Đông: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Đông.

+ Xã Triệu Hòa: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Hòa.

+ Xã Triệu Long: Đoạn đường ĐH 45C (đường vào xã Triệu Thuận) đi qua xã Triệu Long.

+ Xã Triệu Thuận: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 45C (đường vào xã Triệu Thuận) đi qua xã Triệu Thuận.

+ Xã Triệu An: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu An từ đoạn nam cầu Cửa Việt đến đường ngang vào khu tái định cư cầu Cửa Việt.

+ Xã Triệu Lăng: Khu vực dân cư thuộc đường ĐH 43 từ Nghĩa trang liệt sỹ đến Giáp xã Triệu Sơn.

+ Xã Triệu Trung: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường Quốc lộ 49C và đoạn đường ĐH 43 đi qua xã Triệu Trung.

+ Xã Triệu Tài: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường Quốc lộ 49C và đoạn đường ĐH 45 và ĐH 43 đi qua xã Triệu Tài.

**- Khu vực 4:**

+ Xã Triệu Giang: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường từ điểm nút Quốc lộ 1 (từ cầu Phước Mỹ) đến hết trụ sở UBND xã Triệu Giang; Đoạn đường ĐH 48 từ điểm nút Quốc lộ 1 đến đường sắt.

+ Xã Triệu Ái: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường Nguyễn Hoàng và đoạn đường Đặng Dung thuộc địa bàn xã Triệu Ái.

+ Xã Triệu Thành: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 47C từ Hậu Kiên vào nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn.

+ Xã Triệu Đại: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Đại; Đoạn đường ĐH 46 từ ngã ba Đại Hào đến giáp xã Triệu Thuận.

+ Xã Triệu Độ: Đoạn đường ĐH 46 đi qua xã Triệu Độ.

+ Xã Triệu Phước: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 46 từ điểm nút đường QL49C theo hướng về UBND xã Triệu Phước đến hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 28 (nhà ông Lê Dung).

+ Xã Triệu Vân: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Vân.

+ Xã Triệu An: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu An (trừ đoạn từ nam cầu Cửa Việt đến đường ngang vào khu tái định cư cầu Cửa Việt).

+ Xã Triệu Trạch: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C từ cầu Bỏ Bản đến đường ĐH 41.



+ Xã Triệu Lăng: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 42, đường ĐH 43D đi qua xã Triệu Lăng.

+ Xã Triệu Tài: Khu vực dân cư thuộc đường ĐH 44 đi qua xã Triệu Tài.

**- Khu vực 5:**

+ Xã Triệu Giang: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 45C (đường vào xã Triệu Thuận) đi qua xã Triệu Giang; Khu vực dân cư nằm về phía Đông đường sắt trừ khu dân cư thuộc khu vực 2.

+ Xã Triệu Thượng: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường từ thị trấn Ái Tử đến thôn Xuân An, xã Triệu Thượng.

+ Xã Triệu Thành: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Triệu Đông: Đoạn đường ĐH 45 nối từ đường QL49C qua cầu Triệu Đông đến giáp đường ĐH 43.

+ Xã Triệu Thuận: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Triệu Phước: Khu vực dân cư thuộc đường QL49C đi qua xã Triệu Phước; Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 46 từ hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 28 (nhà ông Lê Dung) đến công Việt Yên.

+ Xã Triệu Vân: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 42, đường ĐH 44C đi qua xã Triệu Vân.

+ Xã Triệu An: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 42 đi qua xã Triệu An.

+ Xã Triệu Sơn: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 41: từ trung tâm chợ Cạn đi thị tứ Bồ Bản đến hết thửa đất số 350, tờ bản đồ số 11 (nhà ông Lê Quang Vinh); từ trung tâm Chợ Cạn đi Linh Chiểu đến hết thửa đất số 640, tờ bản đồ số 11 (nhà ông Nguyễn Yên); Đoạn đường ĐH 43: Từ thửa đất số 428, tờ bản đồ số 11 (đất ông Lê Văn Tuyến) đến hết trụ sở UBND xã Triệu Sơn; Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 41 và đoạn đường ĐH 43 đi qua xã Triệu Sơn.

+ Xã Triệu Trạch: Khu vực dân cư thuộc đường ĐH 41; đoạn đường QL49C đi qua xã Triệu Trạch (trừ đoạn đường từ cầu Bồ Bản đến đường ĐH 41).

+ Xã Triệu Lăng: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Triệu Trung: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Triệu Tài: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

**- Khu vực 6:**

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn huyện của xã đồng bằng.

**3. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã trung du:** Áp dụng bảng 2.2 Mục I Phụ lục số 9

**- Khu vực 1:**

+ Xã Triệu Giang: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 48 từ đường sắt đến trạm Ra Đa thuộc xã Triệu Giang.

+ Xã Triệu Ái: Đường Hùng Vương nối dài đoạn từ cầu Vĩnh Phước đến ĐH 48 thuộc Khu đô thị Nam Vĩnh Phước.

**- Khu vực 2:**

+ Xã Triệu Ái: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 49B từ đường sắt đến hồ Gia Chám; Đoạn đường ĐH 48 từ đường sắt đến đường ngang vào hồ chứa nước Ái Tử thuộc xã Triệu Ái; Đoạn đường ĐT 48B (đường Trừ lấu) từ đường sắt đến đường ngang vào hồ chứa nước Ái Tử.

**- Khu vực 3:**

+ Xã Triệu Giang: Khu vực dân cư nằm về phía Tây đường sắt trừ khu dân cư thuộc khu vực 1.

+ Xã Triệu Ái: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 48 từ đường ngang vào hồ chứa nước Ái Tử đến giáp đường ĐH 50; Đoạn đường ĐT 48B (đường Trừ lấu) từ đường ngang vào hồ chứa nước Ái Tử đến giáp đường ĐH 50.

+ Xã Triệu Thượng: Khu vực dân cư thuộc đoạn đường ĐH 49B từ đường sắt đến hồ Gia Chám; Các tuyến đường thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng di dân ra khỏi vùng ngập lụt 3 xã: Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long, huyện Triệu Phong (giai đoạn 1) thuộc địa bàn xã Triệu Thượng; Đoạn đường ĐH 49 từ giáp phường An Đôn đến Trám giáp đường ĐH 35.

**- Khu vực 4:**

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn huyện của xã trung du.

**3. Đất nông nghiệp tại thị trấn và các xã đồng bằng, trung du:****3.1. Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện:**

+ Vị trí 1: Đất trong khu dân cư, ven các trục đường Quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung không quá 500m.

+ Vị trí 2: Các khu vực còn lại.

**3.2. Đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện:**

+ Vị trí 1: Đất trong khu dân cư, ven các trục đường Quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 1500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung không quá 1500m.

+ Vị trí 2: Các khu vực còn lại.



**Phụ lục X**  
**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI LĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **49** /2019/QĐ-UBND  
ngày **20** tháng **12** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**

**1. Đất ở thị trấn Hải Lăng:**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>*

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	4.000	1.400	1.040	800
1b	3.400	1.190	884	680
1c	2.800	980	728	560
1d	2.200	770	572	440
2a	1.800	630	468	360
2b	1.400	490	364	280
2c	1.000	350	260	200
2d	600	210	156	120
3a	400	140	104	80

**2. Đơn giá đất ở tại nông thôn:**

**2.1. Đất ở xã đồng bằng:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6
1	2.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000	160.000
2	1.200.000	960.000	720.000	480.000	240.000	96.000
3	700.000	560.000	420.000	280.000	140.000	56.000
4	500.000	400.000	300.000	200.000	100.000	40.000

**2.2. Đất ở xã trung du:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	1.300.000	910.000	520.000	195.000	100.000
2	845.000	591.500	338.000	126.750	65.000
3	650.000	455.000	260.000	97.500	50.000
4	455.000	318.500	182.000	68.250	35.000

**2.3. Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 1A:**

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	6.500.000	3.300.000	2.000.000	1.500.000	1.350.000
2	2.275.000	1.155.000	700.000	525.000	472.500
3	1.690.000	858.000	520.000	390.000	351.000
4	1.300.000	660.000	400.000	300.000	270.000



## II. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI LĂNG

1. Phân loại đường phố thị trấn Hải Lăng: Áp dụng bảng 1.1 Mục I Phụ lục số 10

Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Hùng Vương (đường tỉnh 582)	Từ Quốc lộ 1 đến Công Hồ Đập Thanh.	1a
Hùng Vương (đường tỉnh 582)	Đoạn từ công Hồ Đập Thanh đến ranh giới Hải Thọ.	1b
Đường 3/2	Đầu đường đến Cuối đường	1a
Ngô Quyền	Đầu đường đến Cuối đường	1a
Lê Duẩn (Quốc Lộ 1)	Tiếp giáp xã Hải Lâm đến đường 3/2	1b
Lê Duẩn (Quốc Lộ 1)	Từ phía Nam đường 3/2 đến ranh giới xã Hải Thọ	1c
Trần Hưng Đạo	Đầu đường đến Cuối đường	1c
Bùi Dục Tài	Đoạn từ đường Hùng Vương đến Đường 3/2	1b
Trần Phú	Đầu đường đến Cuối đường	1c
Hai Bà Trưng	Đầu đường đến Bùi Dục Tài	1c
Nguyễn Huệ	Hai Bà Trưng đến Đường 3/2	1c
Nguyễn Huệ	Đường 3/2 đến Ranh giới giữa TT Hải Thọ	1d
Tôn Đức Thắng	Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Lê Duẩn.	1d
Nguyễn Trãi	Từ đường Hùng Vương đến hết ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Lâm.	1d
Nguyễn Hoàng	Hùng Vương đến Huyện Trần Công Chúa	1d
Đình Tiên Hoàng	Đầu đường đến Cuối đường	1d
Mai Văn Toàn	Đầu đường đến Cuối đường	1c
Phan Thanh Chung	Đầu đường đến Cuối đường	1c
Phan Bội Châu	Đầu đường đến Cuối đường	1d
Huyện Trần Công Chúa	Hùng Vương đến Phan Bội Châu	1c
Huyện Trần Công Chúa	Phan Bội Châu đến Nguyễn Trãi	2b
Tôn Thất Thuyết	Đầu đường đến Cuối đường	2a
Trần Thị Tâm	Đầu đường đến Cuối đường	2a
Phan Châu Trinh	Đầu đường đến Cuối đường	2a
Các đoạn đường còn lại trong khu đô thị Đông Nam TT		2a
Trần Hữu Dực	Đoạn từ cầu Hùng Vương đến cầu Mai Đàn.	2b
Trần Hữu Dực	Từ cầu Mai Đàn đến ranh giới giữa Thị trấn Hải Lăng và xã Hải Lâm.	3a
Nguyễn Thị Lý	Đầu đường đến Cuối đường	2b
Lương Đình Của	Đầu đường đến Cuối đường	2b
Hẻm 50, đường Lê Duẩn	Từ đường Lê Duẩn (Cửa hàng xe máy Mai Liêm) đến tiếp giáp đường Trần Phú.	2b
Lê Thị Tuyết (đường Bệnh viện đi Hải Xuân)	Đầu đường đến Cuối đường	2b
Chu Văn An	Đầu đường đến Cuối đường	2b



Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
Hẻm 253, đường Hùng Vương	Từ nhà bà Nguyễn Thị Oanh đến hết nhà Bà Lưu Thị Minh Hoàn.	2c
Hẻm 236 và hẻm 244, đường Hùng Vương	Đầu đường đến Cuối đường	2c
Lê Lợi	Đầu đường đến Cuối đường	2a
Đoàn Khuê	Đầu đường đến Cuối đường	2a
Hẻm 35, đường 3/2 và nhánh 1, nhánh 2 hẻm 35, đường 3/2.		2c
Các đoạn đường còn lại trong khu dân cư cán bộ và nhân dân thuộc khóm 7.		2b
Võ Thị Sáu	Đầu đường đến Cuối đường	2c
Các đường còn lại phía nam tỉnh lộ 8B (phía Nam đường 3/2)		2c
Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8 m trở lên.		2c
Các tuyến đường còn lại trong Khu đô thị đường Lê Thị Tuyết.		2c
Các tuyến đường còn lại trong Khu đô thị Khóm 6		2c
Lương Thế Vinh	Đầu đường đến Cuối đường	2c
Nguyễn Hữu Mai	Đoạn từ đường Bùi Dục Tài đến đường Nguyễn Huệ.	2c
Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8 m trở lên		2d
Nhánh 1, nhánh 2 hẻm 236 và nhánh 2 hẻm 224, đường Hùng Vương.		3a

## 2. Khu vực đất ở nông thôn:

2.1. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 1A: Áp dụng bảng 2.3 Mục I Phụ lục số 10

### - Khu vực 1:

+ Xã Hải Phú: Các thửa đất dọc 2 bên tuyến Quốc lộ 1A từ cầu Trắng đến ngã ba Long Hưng (giáp với xã Hải Thượng).

### - Khu vực 2:

+ Xã Hải Phú: Các thửa đất dọc 2 bên tuyến Quốc lộ 1A từ Ngã ba Long Hưng đến hết ranh giới xã Hải Phú.

+ Xã Hải Thượng: Từ ranh giới xã Hải Phú đến hết thửa đất ông Lê Phước Thời.

+ Xã Hải Chánh: Đoạn từ phía Nam cầu Mỹ Chánh đến hết thửa đất số 743, tờ bản đồ số 04 (nhà bà Nguyễn Thị Hương).

**- Khu vực 3:**

+ Xã Hải Thượng: Từ phía Nam thửa đất ông Lê Phước Thời đến hết thửa đất Trạm viễn thông Hải Thượng.

+ Xã Hải Thọ: Toàn bộ các thửa đất dọc tuyến Quốc lộ 1 đi qua địa bàn xã Hải Thọ.

+ Xã Hải Trường: Từ ranh giới tiếp giáp xã Hải Thọ đến đường đất đỏ về thôn Hậu Trường; Từ Trạm Cảnh sát giao thông đến hết thửa đất số 472, tờ bản đồ số 22 của bà nhà bà Lê Thị Thuý, thôn Tân Trường.

+ Xã Hải Sơn: Đoạn từ phía Nam cầu 4 thước Khe Ròng đến giáp cầu Mỹ Chánh.

+ Xã Hải Chánh: Đoạn từ thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 (nhà ông Nguyễn Văn Quang) đến hết thửa đất số 295, tờ bản đồ số 10 (nhà ông Ngô Khôi Việt); từ thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17 (nhà ông Phạm Hữu Lâm) đến hết thôn Nam Chánh (thôn Tân Lập cũ).

**- Khu vực 4:**

+ Xã Hải Thượng: Từ phía Nam Trạm viễn thông Hải Thượng đến ranh giới xã Hải Lâm.

+ Xã Hải Lâm: Toàn bộ các thửa đất dọc tuyến Quốc lộ 1 đi qua địa bàn xã Hải Lâm.

+ Xã Hải Trường: Từ phía Nam đường đất đỏ về thôn Hậu Trường đến phía Bắc Trạm Cảnh sát giao thông;

+ Xã Hải Sơn: Từ ranh giới xã Hải Trường đến phía Bắc cầu 4 thước Khe Ròng.

**- Khu vực 5:**

+ Các đoạn còn lại trên địa bàn huyện Hải Lăng.

**2.2. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã đồng bằng:** Áp dụng bảng 2.1 Mục I Phụ lục số 10

**- Khu vực 1:**

+ Xã Hải Thọ: Khu vực dọc đường Tỉnh 582 ngã ba Bến xe Diên Sanh (cũ) đến xã Hải Thiện.

+ Xã Hải Phú: Các thửa đất 2 bên tuyến đường tránh Quốc lộ IA từ Ngã ba Long Hưng đến hết thửa đất ông Văn Giáo; các thửa đất 2 bên tuyến đường Phú - Lê A từ Cầu Trắng đến Cầu Lòn thôn Long Hưng.

+ Xã Hải An: Khu vực dọc đường tỉnh 582 đoạn đi qua địa phận thuộc xã Hải An.

+ Xã Hải Chánh: Khu vực hai bên Quốc lộ 49B từ Quốc lộ 1 đến cầu Phước Tích (giáp ranh giới huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế).

**- Khu vực 2:**

+ Xã Hải Thọ: Các lô đất còn lại thuộc khu dân cư phố chợ trung tâm Diên Sanh.



+ Xã Hải Sơn: Đường Tỉnh lộ 584 đoạn từ Quốc lộ IA đến giáp đường Tỉnh lộ 584 cũ; đường liên xã Tân - Sơn - Hòa đoạn từ Tỉnh lộ 584 đến cổng làng Hà Lộc.

**- Khu vực 3:**

+ Xã Hải Thọ: Khu vực dọc đường tỉnh 582 đoạn từ giáp thị trấn Hải Lăng đến ngã ba Bến xe Diên Sanh cũ; Khu vực dọc đường 8B giáp thị trấn Hải Lăng đến giáp đường Tỉnh 582 (nhà ông Nguyễn Dương, thôn 1); Khu vực dọc đường Tỉnh 584 đoạn từ ngã ba Bến xe Diên Sanh cũ đến cổng ông Ly; các thửa đất còn lại trong khu dân cư phố chợ trung tâm Diên Sanh.

+ Xã Hải Sơn: Khu vực dọc tuyến đường liên xã Tân - Sơn - Hòa đoạn từ cổng làng Hà Lộc đến cầu Câu Nhi; khu vực dọc đường liên xã cũ đoạn từ cổng làng Lương Điền đến hết trường THPT Bùi Dục Tài.

+ Xã Hải An: Khu vực dọc đường bê tông bãi tắm Mỹ Thủy; đường ATI; dọc tuyến đường Quốc phòng từ ngã tư Mỹ Thủy đến hết đường Tỉnh lộ 583 thuộc địa phận xã Hải An; dọc tuyến đường cơ động ven biển đến ranh giới xã Hải Khê.

**- Khu vực 4:**

+ Xã Hải Thành: Khu vực dọc đường Liên xã đoạn từ Cầu Chùa Trung Đơn đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04 (nhà ông Duệ); Khu vực từ ngã ba trường tiểu học đến hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 01 (nhà ông Hồ Vọng); Khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B.

+ Xã Hải Khê: Khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B; dọc tuyến đường cơ động ven biển qua địa bàn xã Hải Khê.

+ Xã Hải Thiện: Khu vực dọc đường Tỉnh 582 đoạn từ xã Hải Thọ đến cầu Rộc.

+ Xã Hải Quế: Đoạn từ kênh thủy lợi N6 đến phía Tây đê cát; từ ngã tư Hội Yên đến Chợ Kim Long.

+ Xã Hải Sơn: Khu vực dọc đường liên xã cũ đoạn tiếp giáp trường THPT Bùi Dục Tài đến tiếp giáp đường liên xã Tân - Sơn - Hòa.

+ Xã Hải Quy: Khu vực dọc đường Tỉnh 581 đoạn giáp thị xã Quảng Trị đến đập tràn kênh N1.

+ Xã Hải Thọ: Khu vực dọc đường Tỉnh 584 các đoạn còn lại thuộc địa phận xã Hải Thọ; Khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B; các lô đất còn lại tại khu dân cư vùng Choi xã Hải Thọ.

+ Xã Hải An: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

**- Khu vực 5:**

+ Xã Hải Tân: Khu vực dọc đường Liên xã đoạn từ cầu Câu Nhi đến giáp xã Hải Hòa.

+ Xã Hải Hòa: Khu vực dọc đường Liên xã đoạn từ cầu Hưng Nhơn đến giáp Cổng đầu dòng Phú Kinh.



+ Xã Hải Thành: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Hải Khê: Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.

+ Xã Hải Trường: Khu vực dọc đường Trung Trường đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Tỉnh 584; Khu vực dọc đường My Trường đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Tỉnh 584; Khu vực dọc đường tỉnh 584 đoạn thuộc địa phận xã Hải Trường; Khu vực từ dọc đường thôn Hậu Trường đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp khu dân cư đội 4 thôn Hậu Trường; khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B.

+ Xã Hải Lâm: Khu vực dọc đường Tỉnh 584 đoạn thuộc địa phận xã Hải Lâm; Khu vực dọc đường Hải Xuân-Thị trấn Hải Lăng đoạn thuộc địa phận xã Hải Lâm; Khu vực dọc đường Thị trấn Hải Lăng; Mai Đàn đoạn từ giáp Thị trấn Hải Lăng đến ngã tư Ông Tráng.

+ Xã Hải Thiện: Khu vực dọc đường Tỉnh 582 đoạn còn lại thuộc địa phận xã Hải Thiện; Khu vực dọc tuyến đường Xuân-Quy-Vĩnh đoạn tiếp giáp đường tỉnh 582 đến ranh giới xã Hải Vĩnh.

+ Xã Hải Phú: Các khu vực còn lại của thôn Long Hưng.

+ Xã Hải Thượng: Khu vực dọc đường Tỉnh 584 đoạn ngã ba Đại An Khê đến cầu Nhùng (Thượng Xá); Khu vực dọc đường Thượng-Xuân đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Rọc (Thượng Xá); Đường lên nhà thờ La Vang đoạn từ ngã tư La Vang tiếp giáp Quốc lộ 1A đến địa phận xã Hải Phú.

+ Xã Hải Quy: Khu vực dọc đường Liên xã Xuân-Quy-Vĩnh đoạn giáp từ Thị xã Quảng Trị đến giáp xã Hải Xuân.

+ Xã Hải Xuân: Khu vực dọc Quốc lộ 49C đoạn thuộc địa phận xã Hải Xuân; Khu vực dọc đường xóm Biện đoạn từ đường Liên xã đến kênh N4; Khu vực dọc đường Liên xã Xuân-Quy-Vĩnh đoạn xã Hải Xuân; Khu vực dọc đường Hải Xuân đi Bệnh viện đoạn từ kênh N4 đến giáp đường Liên xã Xuân-Quy-Vĩnh.

+ Xã Hải Vĩnh: Khu vực dọc đường Liên xã Xuân-Quy-Vĩnh đoạn từ giáp xã Hải Xuân đến đường tỉnh 582; Khu vực 2 bên đường Thuận Đức-Phương Lang đoạn từ kênh N4 đến Phương Lang-Hải Ba.

+ Xã Hải Ba: Khu vực dọc đường tỉnh 583 đoạn từ giáp ranh giới xã Triệu Trung (Triệu Phong) đến đê cát; Khu vực dọc đường 581 thuộc địa phận xã Hải Ba.

+ Xã Hải Dương: Khu vực dọc đường liên xã thuộc địa phận xã Hải Dương; Khu vực dọc đường tỉnh 581 thuộc địa phận xã Hải Dương; Khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B.

+ Xã Hải Quế: Khu vực còn lại dọc đường tỉnh 582 đoạn qua xã Hải Quế; Khu vực còn lại dọc Quốc lộ 49C thuộc địa phận xã Hải Quế; Khu vực dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh lộ 582B, đường liên xã qua địa bàn xã Hải Quế.

#### **- Khu vực 6:**

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn huyện Hải Lăng thuộc xã đồng bằng.



**2.3. Đất ở nông thôn tại các vị trí xã trung du:** Áp dụng bảng 2.2 Mục I Phụ lục số 10

**- Khu vực 1:**

+ Xã Hải Phú: Khu vực dọc đường Phú Lệ A đoạn từ nhà ông Văn Ngọc Thính đến đình làng Phú Long; dọc tuyến đường từ nhà ông từ nhà ông Nguyễn Ngọc Thu đến cầu An Lạc trên; dọc tuyến đường từ nhà nghỉ Hồng Ân đến cầu An Lạc dưới; tuyến đường Phú - Lệ B từ cổng Nhà thờ La Vang đến trường Mầm non thôn Phú Hưng.

**- Khu vực 2:**

+ Xã Hải Phú: Khu vực dọc đường Phú Lệ A đoạn từ đường về trường Tiểu học đến hết nhà ông Văn Ngọc Thính; tuyến đường Phú - Lệ B từ ranh giới xã Hải Thượng đến trường Mầm non thôn Phú Hưng; tuyến đường Phú - Lệ A từ đình làng Phú Long đến hết thửa đất bà Nguyễn Thị Mễ.

**- Khu vực 3:**

+ Xã Hải Chánh: Khu vực đoạn từ sau thửa đất số 824, tờ bản đồ số 9 (nhà Bà Phạm Thị Ngọc Ánh) đến cổng chào thôn Tân Phong (Đường vào nhà máy gạch Tuy nen Hải Chánh).

+ Xã Hải Lâm: Khu vực dọc đường Liên thôn Xuân Lâm-Thượng Nguyên đoạn từ giáp Quốc lộ 1A đến kênh N2; Khu vực dọc đường Liên thôn Trường Phước - Tân Chính đoạn tiếp giáp thị trấn Hải Lăng đến giáp kênh N2; hai bên tuyến đường Thị trấn - Cầu Mung đoạn từ cầu Đúc thôn Trường Phước đến giáp Nhà máy nước (thôn Tân Phước).

+ Xã Hải Sơn: Khu vực 2 bên tuyến đường Cồn Tàu - Khe Mương đoạn từ chắn đường sắt đến hết Hội trường Đội 4 thôn Lương Điền.

+ Xã Hải Phú: Các thửa đất dọc tuyến đường Phú - Lệ A từ cầu Lòn đến đường về trường Tiểu học (Đất bà Liêu).

**- Khu vực 4:**

+ Xã Hải Chánh: Toàn bộ khu vực thôn Tân Phong (thôn Văn Phong, thôn Tân Hiệp cũ) (trừ khu vực dọc Quốc lộ 1A); Khu vực thôn Xuân Lộc; Khu vực từ cầu Xuân Lộc đến cầu Hộp và từ cầu Xuân Lộc đến cầu Mỹ Chánh; Khu vực thôn Câu Nhi đoạn từ cổng chào đến đình làng Câu Nhi.

+ Xã Hải Sơn: Khu vực còn lại 2 bên tuyến đường Cồn Tàu - Khe Mương.

+ Xã Hải Trường: Khu vực còn lại phía Tây đường sắt Bắc-Nam thuộc thôn Hậu Trường, Đội 1 thôn Trung Trường, thôn Mỹ Trường, thôn Tân Xuân Thọ.

+ Xã Hải Thọ: Khu vực dân cư phía Tây đường sắt Bắc - Nam trên địa bàn xã (khu vực Tân Diên).

+ Xã Hải Lâm: Khu vực dọc đường Liên thôn Xuân Lâm-Thượng Nguyên đoạn từ kênh N2 đến HTX Thượng Nguyên; Khu vực dọc đường Liên thôn Trường Phước-

Tân Chính đoạn từ kênh N2 đến giáp cầu đội 3 - Trường Phước; Khu tái định cư di dân tránh lũ (thôn Tân Phước); khu tái định cư vùng lũ (thôn Tân Phước) và các khu vực còn lại.

**- Khu vực 5:**

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn huyện Hải Lăng thuộc xã trung du.

**3. Phân vị trí đất nông nghiệp**

**3.1. Đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất:**

- Vị trí 1: Bao gồm các thửa đất nằm ven các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 1.500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường thẳng vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung không quá 1.500m

- Vị trí 2: Bao gồm các thửa đất nằm cách các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm từ 1.500m đến 3.000m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường thẳng vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung từ 1.500m đến 3.000m.

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại phía Đông đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan.

- Vị trí 4: Diện tích đất rừng sản xuất phía Tây đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan.

**3.2. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:**

- Vị trí 1: Bao gồm các thửa đất trong khu dân cư, ven các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm; có khoảng cách không quá 500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường thẳng vuông góc với trục đường); có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m; canh tác 2 vụ.

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại.